CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng số 9 - VC9

Ngày 30/06/2025	4,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.4%	**-9.1%**	**-**

DT thuần
Q2/25
26.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.0| -45.3%
YoY: ▼28.0| -51.3%

LN thuần
Q2/25
0.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.26| -80.9%
YoY: ▼0.39| -86.4%

LN sau thuế
Q2/25
0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.08| 56.5%
YoY: ▼0.17| -43.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
6.4%
YoY: +/-▲ 1.0%

ROE (TTM)
Q2/25
1.0%
YoY: +/-▼ 0.3%

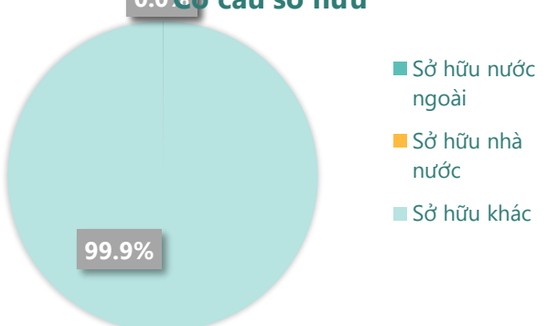
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 4,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	67
Số lượng CPLH (CP)	16,695,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,330
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.37
EPS	38
P/E	104.5

DT thuần
6T 2025
75.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.7| -30.9%

LN thuần
6T 2025
0.38
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.41| -52.6%

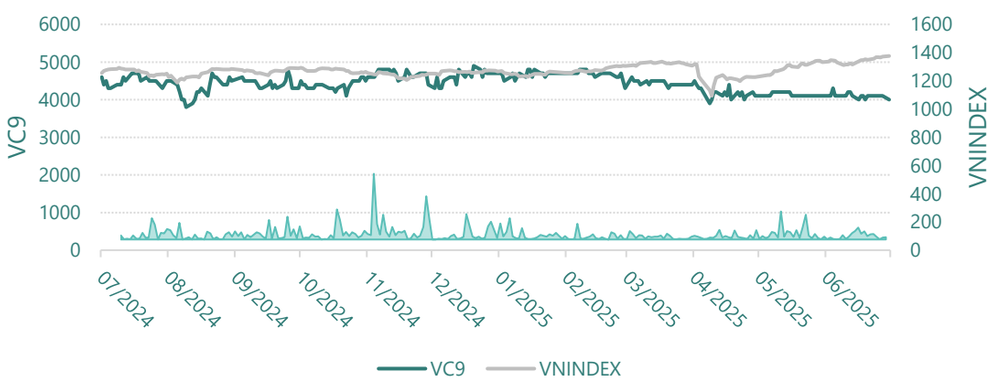
LN sau thuế
6T 2025
0.36
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.15| -29.3%

Cơ cấu sở hữu

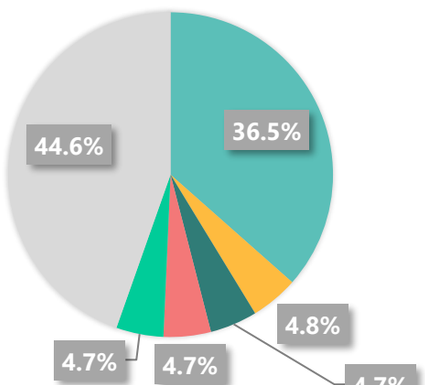


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



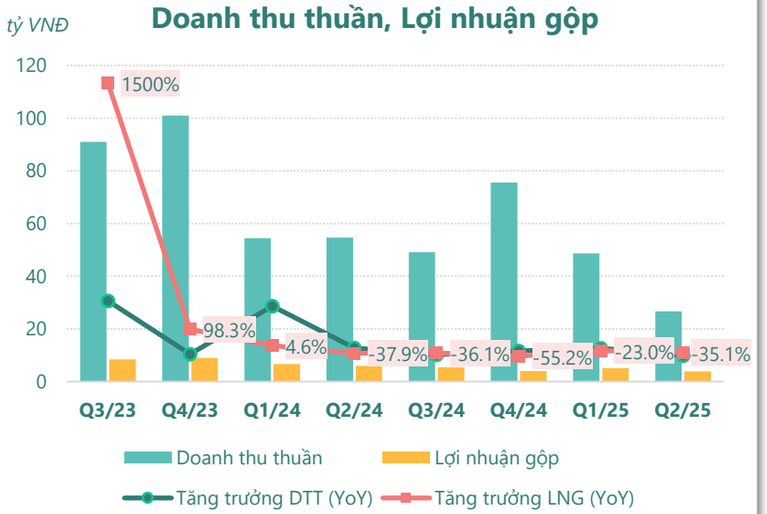
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

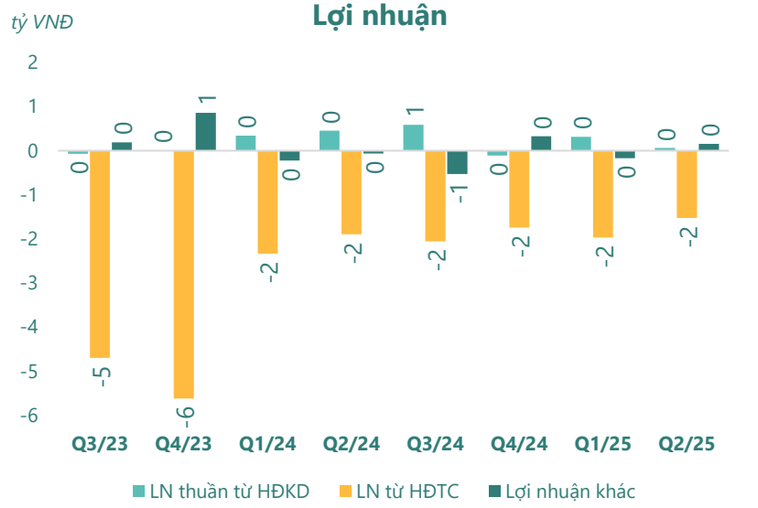
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



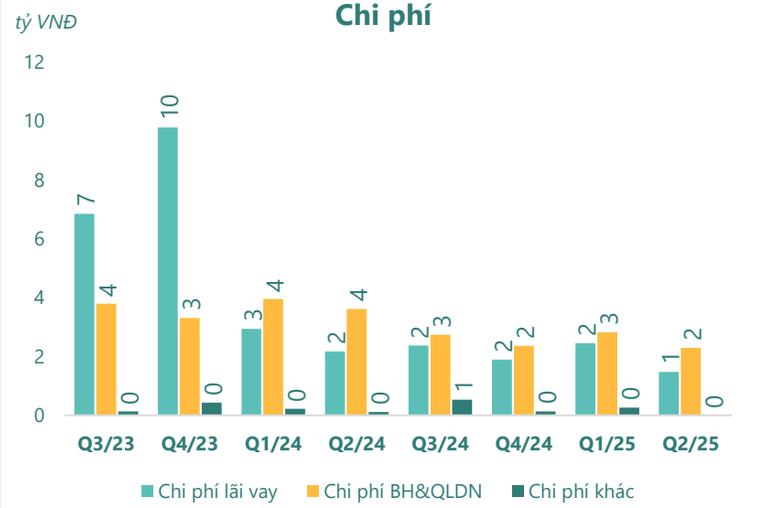
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



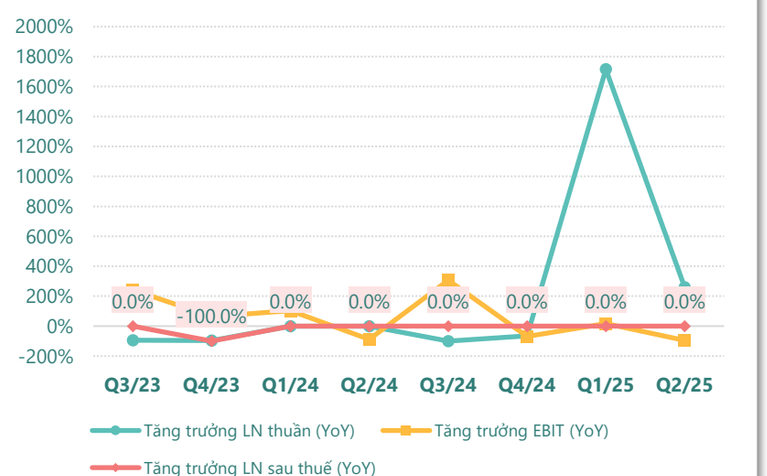
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



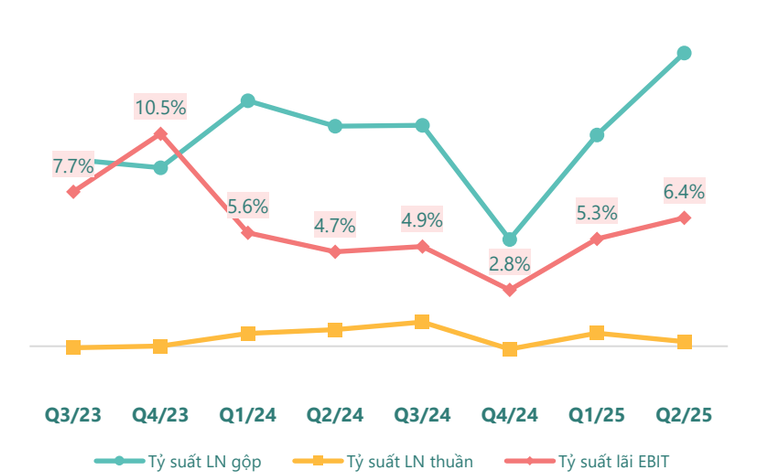
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



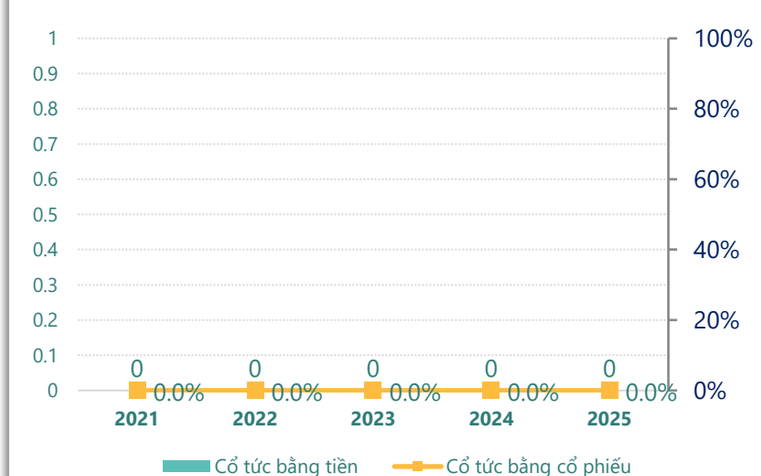
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

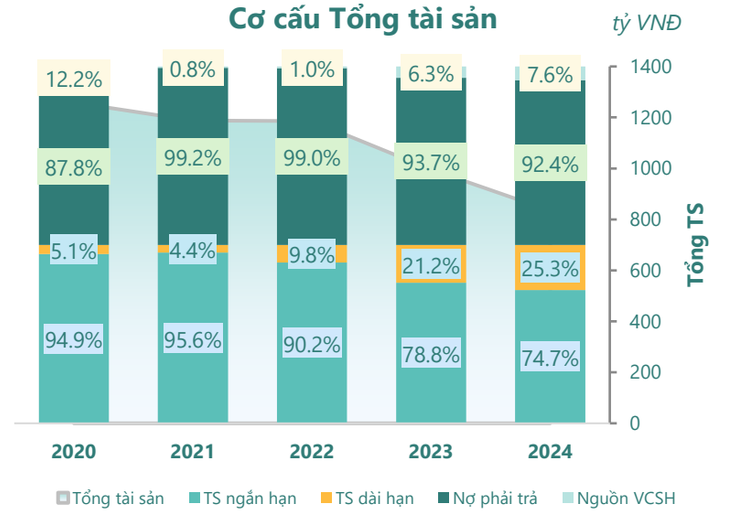
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

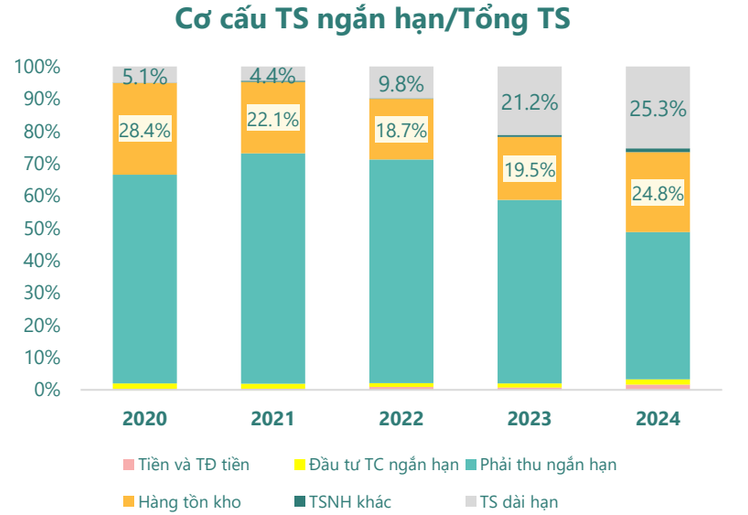
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



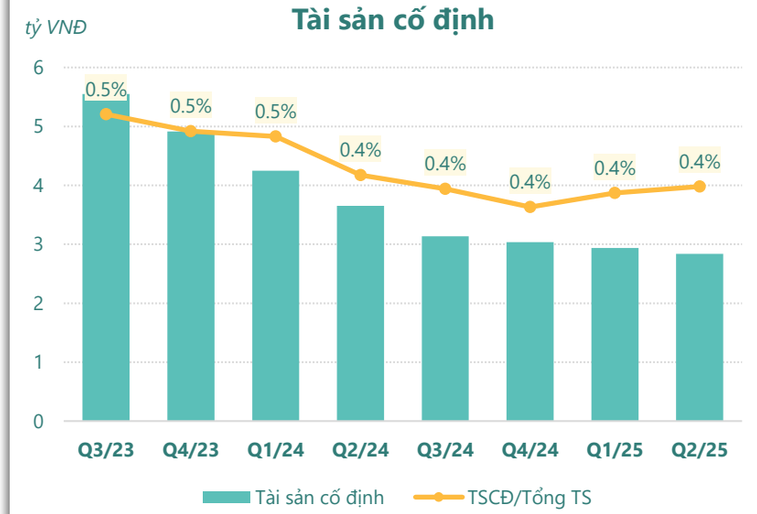
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



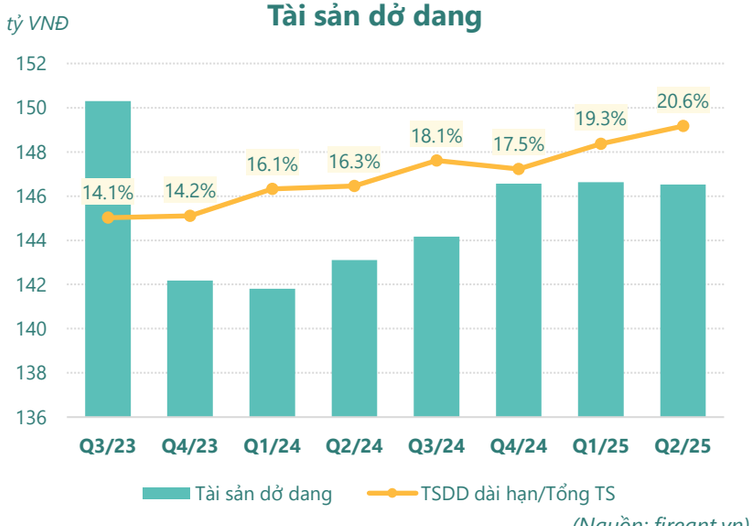
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



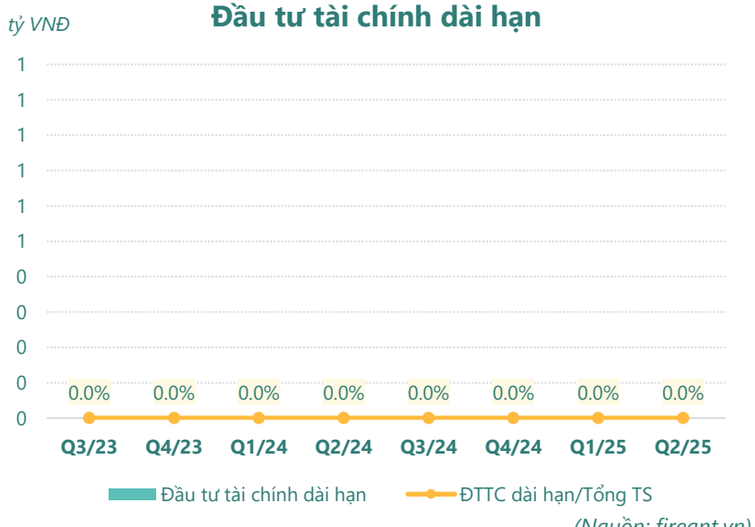
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



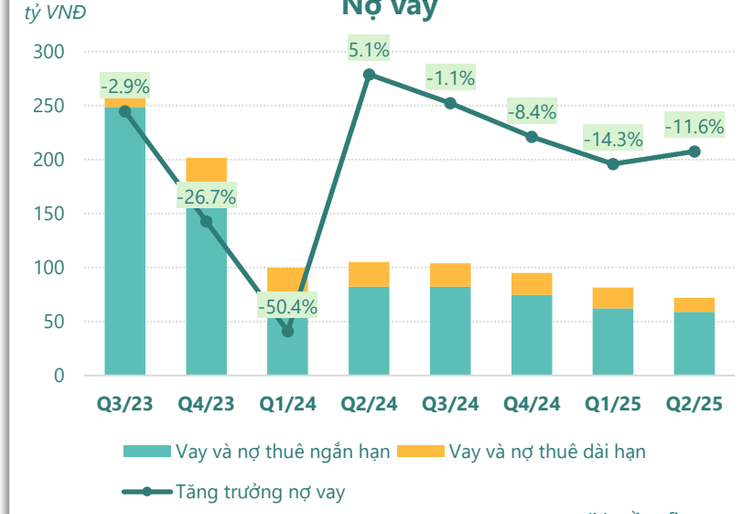
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

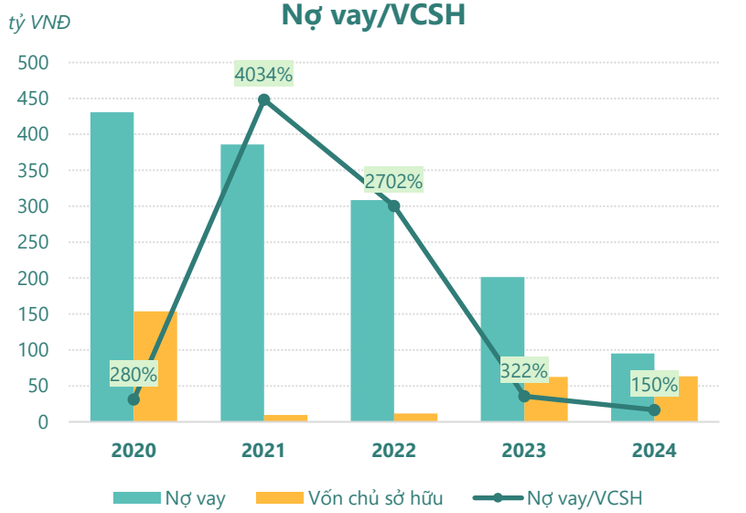
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

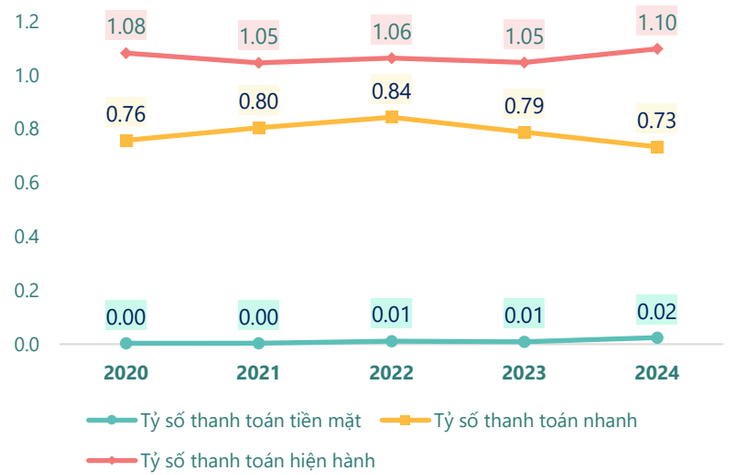
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



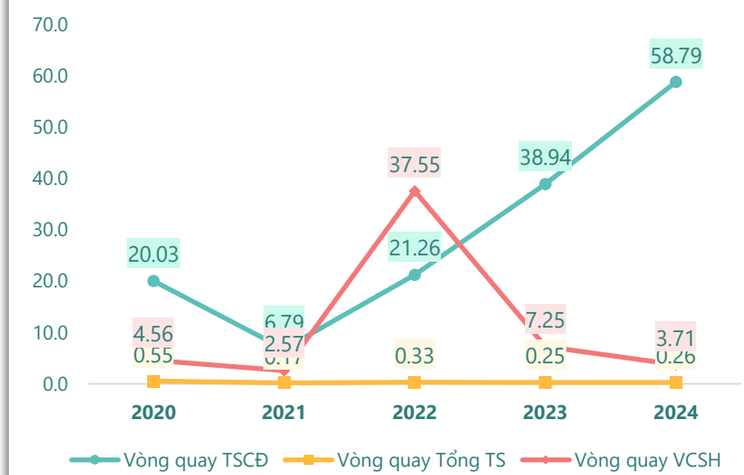
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



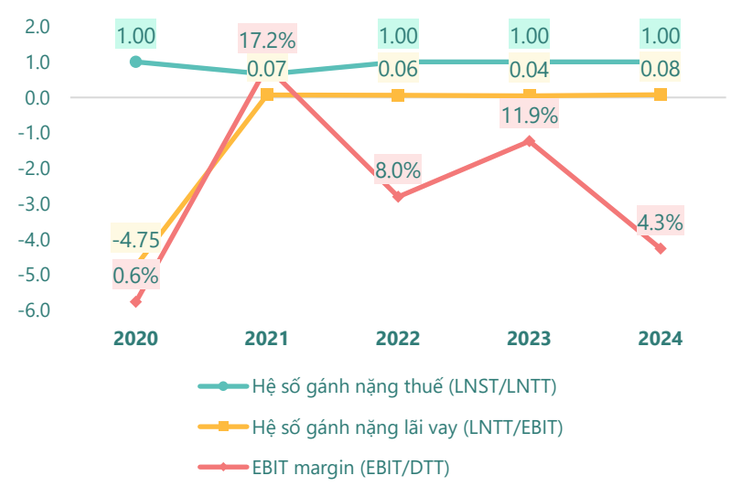
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



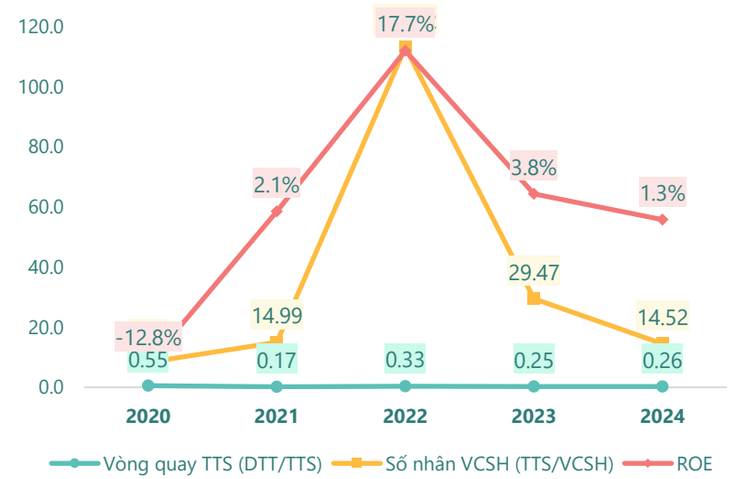
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



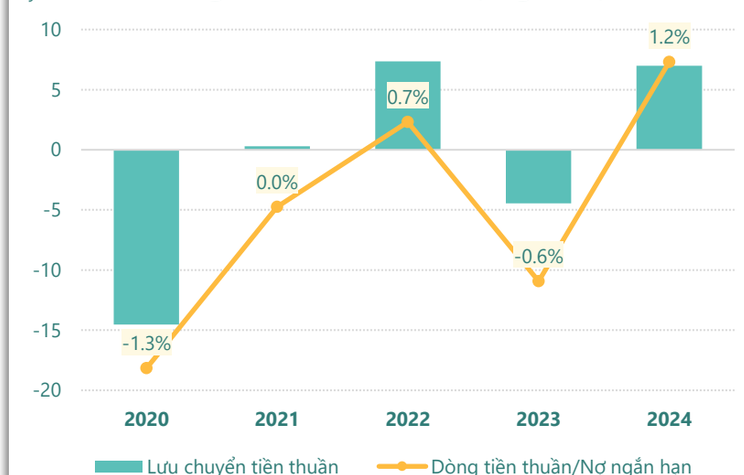
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**26.7**	**54.7**	**-51.3%**	**75.3**	**109**	**-30.9%**
Giá vốn hàng bán	22.8	48.7	-53.2%	66.3	96.5	-31.2%
Lợi nhuận gộp	3.88	5.97	-35.1%	8.98	12.6	-28.7%
Doanh thu HĐTC	-0.04	0.27	-116%	0.44	0.88	-50.3%
Chi phí TC	1.48	2.17	-31.9%	3.93	5.11	-23.1%
Chi phí lãi vay	1.48	2.17	-31.9%	3.93	5.11	-23.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.29**	**3.62**	**-36.6%**	**5.11**	**7.57**	**-32.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.06	0.45	-86.4%	0.38	0.79	-52.6%
Lợi nhuận khác	**0.16**	**-0.06**	**364%**	**-0.01**	**-0.28**	**95.1%**
LN trước thuế	0.22	0.39	-43.8%	0.36	0.51	-29.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.22**	**0.39**	**-43.8%**	**0.36**	**0.51**	**-29.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.22**	**0.39**	**-43.8%**	**0.36**	**0.51**	**-29.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.5	-11.9	-15.0	20.1	-2.78	-0.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.64	4.31	15.5	0.48	7.55	5.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-102	5.07	-1.19	-8.77	-13.6	-9.41
Tiền đầu kỳ	6.76	5.21	2.67	1.97	13.7	4.93
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.55**	**-2.54**	**-0.70**	**11.8**	**-8.82**	**-4.29**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.21	2.67	1.97	13.7	4.93	0.64

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**712**	**834**	**-14.6%**
Tài sản ngắn hạn	503	623	-19.4%
Tiền và tương đương tiền	0.64	13.7	-95.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	13.3	-97.0%
Phải thu ngắn hạn	302	380	-20.3%
Hàng tồn kho	192	207	-7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.51	9.78	-23.2%
Tài sản dài hạn	**209**	**211**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.84	3.03	-6.6%
Bất động sản đầu tư	6.29	6.39	-1.5%
Tài sản dở dang	147	147	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**53.8**	**54.9**	**-2.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	648	771	-15.9%
Nợ ngắn hạn	**493**	**568**	**-13.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.8	74.6	-21.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	197	214	-8.1%
Nợ dài hạn	155	203	-23.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.2	20.4	-35.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**63.8**	**63.4**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**63.8**	**63.4**	**0.6%**
Vốn điều lệ	170	170	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)